

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 01 đến 15/02/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 40%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có xu thế giảm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 17%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội chịu ảnh hưởng điều tiết của hồ chứa thượng lưu. Trong thời kỳ dự báo các hồ tăng cường phát điện phục vụ lịch lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ. - Đợt 1: từ ngày 16/1 đến ngày 20/1/2026 (5 ngày); - Đợt 2: Từ ngày 29/1 đến ngày 4/2/2026 (7 ngày). Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 20%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-15mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 15 ngày qua do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%

+ Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng dao động những ngày đầu do vẫn trong thời kỳ lấy nước đợt 02, sau đó biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 15%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 5mm, có nơi cao hơn như Bắc Giang 15mm, hải Dương 19mm,...

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có xu thế giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 261% so với TBNN cùng kỳ.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ giảm so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 35%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 7-15mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy dự báo sẽ giảm nhẹ so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 171%.

+ Trên sông Lục Nam: Dòng chảy giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa-Bắc Nghệ An phổ biến dưới 10mm; khu vực Nam Nghệ An-Huế phổ biến 15-30mm, có nơi cao hơn như tại Hà Tĩnh 43mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 01, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 31%, sông Cả tại trạm Yên Thượng, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại trạm Sơm Diệm thấp hơn khoảng 75%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 01, dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 438%.

<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa-Bắc Nghệ An phổ biến 5-15mm; khu vực Nam Nghệ An-Huế phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Nửa đầu tháng 02, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với nửa cuối tháng 1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 28%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 20%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 74%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 02, dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN 442%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn, đặc biệt như tại Trà My 56mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 01, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 38%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Nửa cuối tháng 01, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 23%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 57%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 10%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 159%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 78% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn; riêng tại Trà My và Ba Tơ khoảng 50-60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 02, dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 24%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 59%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 56% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 9% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến biến không mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 1, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San Và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần và đều thấp hơn so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 53%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 10mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 2, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và giảm so với nửa cuối tháng 1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 43%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 33% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 6%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/02/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/02/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	0	<100	8-15	<10-20
	Sơn La	4	<65	5-10	<10-20
	Hòa Bình	9	<24	5-10	<10-20
	Lào Cai	0	<99	5-10	<10-20
	Yên Bái	12	<27	10-20	<10-20
	Tuyên Quang	4	<70	5-15	<10-20
	Hà Giang	10	<45	8-15	<10-20
	Láng	6	<61	5-15	<5-15
	Thái Bình	24	>12	8-15	<5-15
	Nam Định	3	<84	5-15	<5-15
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	3	<79	8-15	<10-20
	Thái Nguyên	4	<72	8-15	<10-20
	Bắc Ninh	2	<89	8-15	<10-20
	Lạng Sơn	2	<90	8-15	<10-20
	Bắc Giang	15	<13	8-15	<10-20
	Hải Dương	19	>36	5-15	<5-15
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	3	<69	5-10	>5-15
	Bái Thượng	7	<64	5-15	>5-15
	Thanh Hóa	7	<50	5-15	>5-15
	Quý Châu	3	<76	5-10	>5-15
	Cửa Rào	0	<100	5-15	>5-15
	Đô Lương	7	<58	10-25	>5-15
	Vinh	24	>8	15-30	>5-15
	Hương Sơn	2	<93	10-20	>5-15
	Hương Khê	15	<27	20-35	>5-15
	Hà Tĩnh	43	<8	25-40	>5-15
	Đồng Hới	16	<36	15-30	>5-15
	Quảng Trị	25	>2	15-30	>5-15
	Nam Đông	15	<75	30-50	>5-15
	Huế	16	<75	30-50	>5-15
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	8	<78	10-20	>10-20
	Trà My	56	<28	50-80	>10-20
	Ba Tơ	32	<60	40-70	>10-20
	Quảng Ngãi	12	<83	20-40	>10-20
	Quy Nhơn	15	<66	10-20	>10-20

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	An Khê	5	<54	5-10	>10-20
	Tuy Hòa	5	<88	10-20	>10-20
	Nha Trang	7	<75	5-10	>10-20
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	5-10	>10-30
	Lắc	0	<100	<5	>10-30
	Buôn Mê Thuột	0	<100	<5	>10-30
	Biên Hòa	0	<100	5-10	>40-60
	Cần Thơ	0	<100	5-10	>30-50

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/02/2026

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	73	< 78	64	< 77
Lô	Tuyên Quang	W	370	< 40	376	< 77
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1032	> 17	816	> 21
Hồng	Hà Nội	W	2024	> 20	1490	> 15
Cầu	Gia Bảy	W	91	> 261	56	> 171
Lục Nam	Chũ	W	6,5	< 35	5,1	< 10
Mã	Cẩm Thủy	W	227	> 32	240	> 28
Cả	Yên Thượng	W	266	~ TBNN	285	~ TBNN
La	Hòa Duyệt	W	77	~ TBNN	60	< 20
Tả Trách	Thượng Nhật	W	54,7	> 438	49,1	> 442
Thu Bồn	Nông Sơn	W	263	~ TBNN	273	> 24
Trà Khúc	Sơn Giang	W	240	> 38	240	> 59
Ba	Củng Sơn	W	72	< 57	45	< 56
Cái N,T	Đồng Trăng	W	68,3	> 10	45,4	> 9
ĐăkBlá	KonTum	W	28,9	< 53	33,3	< 43
Srêpôk	Giang Sơn	W	58,9	~ TBNN	42,8	~ TBNN
Tiền	Tân Châu	W			9642	> 33
Hậu	Châu Đốc	W			1115	> 6